| | |
|---|---|
| UBND TỈNH NGHỆ AN<br>**SỞ XÂY DỰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1434/QĐ-SXD | *Nghệ An, ngày 14 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu, cơ cấu các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng dự án, sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu số 06: Xây lắp công trình thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An.**

## GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG NGHỆ AN

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 241/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đường bộ và Điều 77 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 ban hành định mức xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Văn bản số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 của Bộ Xây dựng thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh Nghệ An quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-SXD ngày 19/10/2026 của Sở Xây dựng Nghệ An về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế cắm cọc giải phóng mặt bằng và dự toán xây dựng công trình; điều chỉnh giá các gói thầu thuộc dự án: Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An;*

*Căn cứ Quyết định số 1339/QĐ-SXD ngày 26/10/2026 của Sở Xây dựng Nghệ An về phê duyệt E-HSMT gói thầu số 06: Xây lắp công trình thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An;*

*Xét Tờ trình số 2637/TTr-QLBTĐB.BT2 ngày 13/11/2026 của Ban Quản lý Bảo trì đường bộ Nghệ An về việc trình thẩm định và phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu, cơ cấu các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng dự án, sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu số 06: Xây lắp công trình thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An; Theo đề nghị của Phòng Thẩm định dự án tại Báo cáo thẩm định số 850/BC-TĐDA ngày 13/11/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu, cơ cấu các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng dự án, sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu số 06: Xây lắp công trình thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo các đoạn Km0+00 - Km1+00; Km6+800 - Km10+00, ĐT.543E, tỉnh Nghệ An với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Điều chỉnh giá các gói thầu**

a. Lý do điều chỉnh: Cập nhật giá nhiên liệu theo mặt bằng giá ở thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu để điều chỉnh giá gói thầu (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 39, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023), cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giá nhựa đường theo thông báo giá định hướng số 1525/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/11/2026 của Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex;

- Điều chỉnh giá nhiên liệu theo Thông cáo báo chí số 63/2026/PLX-TCBC ngày 12/11/2026 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;

- Điều chỉnh giá bán điện theo Quyết định số 2892/QĐ-BCT ngày 31/10/2026 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện.

b. Giá trị sau điều chỉnh

*Đơn vị: triệu đồng*

| Stt | Tên gói thầu | Theo Quyết định số 1308/QĐ-SXD ngày 19/10/2026 | Sau khi điều chỉnh | Chênh lệch (+,-) |
|---|---|---|---|---|
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5]= [4]-[3] |
| 1 | Gói thầu số 06: Xây lắp công trình | 45.567,267<br>Trong đó:<br>- CPXD: 43.286,894<br>- ĐBGT: 102,653<br>- Phí BVMT: 37,302<br>- CPDP: 2.140,418 | 45.529,331<br>Trong đó:<br>- CPXD: 42.685,513<br>- ĐBGT: 102,617<br>- Phí BVMT: 37,302<br>- CPDP: 2.709,889 | - 37,396 |
| 2 | Gói thầu số 07: Tư vấn giám sát thi công XDCT | 1.072,693 | 1.060,466 | - 12,227 |
| 3 | Gói thầu số 08: Bảo hiểm xây dựng công trình | 108,217 | 106,714 | - 1,503 |
| 4 | Gói thầu số 10: Tư vấn kiểm toán dự án hoàn thành | 254,615 | 252,384 | - 2,231 |

*(Có hồ sơ dự toán chi tiết kèm theo)*

**2. Điều chỉnh cơ cấu các khoản chi phí trong dự toán xây dựng công trình**

a. Lý do điều chỉnh: Trên cơ sở chi phí xây dựng trong giá gói thầu xây lắp công trình được điều chỉnh tại mục b khoản 1 nêu trên, thực hiện điều chỉnh các cơ

cấu khoản mục chi phí trong dự toán (không vượt giá trị TMĐT đã được phê duyệt).

b. Giá trị sau điều chỉnh

*Đơn vị: đồng*

| TT | Nội dung | Theo Quyết định số 1308/QĐ-SXD ngày 19/10/2026 | Giá trị dự toán sau khi điều chỉnh | Tăng, giảm (+,-) |
|---|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5) = (4) – (3)* |
| 1 | Chi phí xây dựng: | 43.286.894.000 | 42.685.513.000 | -601.381.000 |
| 2 | Chi phí quản lý dự án: | 952.614.000 | 939.380.000 | -13.234.000 |
| 3 | Chi phí tư vấn xây dựng: | 2.813.406.000 | 2.801.179.000 | -12.227.000 |
| 4 | Chi phí khác: | 1.502.873.000 | 1.497.165.000 | -5.708.000 |
| 5 | Chi phí dự phòng: | 2.393.213.000 | 3.025.763.000 | 632.550.000 |
| | **Tổng cộng** | **50.949.000.000** | **50.949.000.000** | **0** |

*(Có hồ sơ dự toán chi tiết kèm theo)*

**3. Sửa đổi hồ sơ mời thầu:**

a. Lý do sửa đổi: Điều chỉnh giá gói thầu.

b. Nội dung sửa đổi: Điều chỉnh một số nội dung của E-HSMT gói thầu số 06: Xây lắp công trình, cụ thể như sau:

| STT | Nội dung E-HSMT theo Quyết định số 1339/QĐ-SXD ngày 26/10/2026 | Nội dung E-HSMT sau khi sửa đổi |
|---|---|---|
| 1 | Giá trị bảo đảm dự thầu: 684.000.000 VNĐ | Giá trị bảo đảm dự thầu: 683.000.000 VNĐ |
| 2 | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 42.001.000.000 VNĐ | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 41.966.000.000 VNĐ |
| 3 | Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:<br>- Giá trị tối thiểu: 7.595.000.000 VND | Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:<br>- Giá trị tối thiểu: 7.589.000.000 VND |

| STT | Nội dung E-HSMT theo Quyết định số 1339/QĐ-SXD ngày 26/10/2026 | Nội dung E-HSMT sau khi sửa đổi |
|---|---|---|
| 4 | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự:<br>- Có giá trị: 22.784.000.000 VNĐ | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự:<br>- Có giá trị: 22.765.000.000 VNĐ |
| 5 | Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá: 4,93% | Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá: 6,31% |

**4. Các nội dung khác:** Giữ nguyên theo Quyết định số 1308/QĐ-SXD ngày 19/10/2026 và Quyết định số 1339/QĐ-SXD ngày 26/10/2026 của Sở Xây dựng Nghệ An.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Ban Quản lý Bảo trì đường bộ và Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 2;
- Phó Giám đốc Sở Hồ Bá Thái;
- Kho bạc NN khu vực XI;
- Lưu: VT, TĐDA.

**GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH NGHỆ AN

**Phạm Hồng Quang**